

ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Mỹ Trang¹, Đỗ Mạnh Cường² và Đoàn Thị Huệ Dung²

¹*Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP.Hồ Chí Minh*

²*Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*

Tóm tắt. Thái độ học tập đóng vai trò quan trọng, bởi vì thái độ tích cực dẫn đến hành vi học tập tích cực. Nhưng hiện nay, thông qua quan sát nhận thấy sinh viên năm cuối tại trường đại học (ĐH) Sư phạm Kỹ thuật TPHCM không thật sự tích cực và có những biểu hiện như mệt mỏi, chán nản, vắng lớp nhiều,... Vì vậy, để có những điều chỉnh phù hợp, mục tiêu nghiên cứu này là đánh giá sự thay đổi thái độ học tập của sinh viên qua các năm và đề xuất giải pháp. Thông qua khảo sát được phân tích về độ tin cậy, phân tích nhân tố và phỏng vấn sâu sinh viên tại trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM, kết quả cho thấy rằng thái độ học tập của sinh viên giảm dần qua các năm, đặc biệt sinh viên năm tư có thái độ học tập tích cực giảm nhiều so với các năm trước. Nghiên cứu chỉ ra có ba nguyên nhân chính là do sự quá tải công việc qua dự án học tập, đồ án môn học; Phương pháp giảng dạy của giảng viên; và thiếu kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian của sinh viên.

Từ khóa: Thái độ học tập, Thái độ học tập tích cực, ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM.

1. Mở đầu

Nghiên cứu về thái độ được thực hiện bởi nhiều nhà tâm lý học xã hội (như: W.I.Thomas và F.Znaniecki (1918); I.L.Bogiovic (1951); Bem (1970); G. Allport (1935, 1976); Fishbein & Ajzen (1975); Eagly & Chaiken (1993); ...). Thái độ được hiểu là một khuynh hướng đáp ứng theo cách có lợi (thuận) hoặc bất lợi (không thuận) đối với một đối tượng nhất định (Oskamp, 2005). Fishbein & Ajzen (1975) xem thái độ là những khuynh hướng để đáp ứng một cách ủng hộ hay không ủng hộ đối với một sự vật, một con người hoặc một sự kiện nhất định. Thái độ được cho là có tầm quan trọng vì sự ảnh hưởng của nó đối với hành vi tương lai và những hành vi này có tác động lớn đối với cá nhân và xã hội (Reid, 2006). Allport (1935) cũng khẳng định thái độ có mối quan hệ chặt chẽ với hành vi, có chức năng thúc đẩy hành vi, hướng dẫn cách thức hành vi [1]. Vì vậy, điều này cho thấy rằng một cá nhân có thái độ tích cực (thuận) sẽ dẫn đến một hành vi tích cực (thuận) đối với một đối tượng cụ thể.

Học tập là nhiệm vụ quan trọng của mỗi sinh viên (SV). Để đạt được kết quả tốt, SV

Ngày nhận bài: 19/1/2019. Ngày sửa bài: 29/2/2019. Ngày nhận đăng: 12/4/2019.

Tác giả liên hệ: Đỗ Thị Mỹ Trang. Địa chỉ e-mail: mytrang@hcmute.edu.vn

không chỉ hiểu rõ về việc học của chính mình, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp mà còn học tập với một thái độ tích cực. Bởi vì, thái độ học tập tích cực sẽ dẫn đến các hành vi học tập tích cực. Thái độ học tập tích cực cũng còn ảnh hưởng tích cực đến việc SV lựa chọn cách học sâu (Biggs, 1987) [2] – đó là cách học hiểu, khám phá, vận dụng giải quyết vấn đề - một cách học rất cần có cho SV hiện nay, đặc biệt là SV ngành kỹ thuật.

Trong quá trình học tập, theo ý nghĩa thang mức độ của Krathwohl, Bloom và Masia (1973) cho thấy càng tiếp cận sâu vào việc học SV càng phải có thái độ tích cực hơn, thể hiện một cảm xúc tích cực, yêu thích đối tượng học tập để có thể đạt được năng lực thực sự [3]. Nhưng hiện nay, trong tiến trình học tập tại trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM, có phải SV năm cuối khi tiếp cận sâu vào chuyên ngành có thái độ học tập tích cực hơn SV năm nhất và những năm khác hay không? Đây là câu hỏi mà thật sự nhiều nhà giáo dục đang quan tâm, bởi thông qua quan sát thấy rằng nhiều SV năm cuối không còn thái độ học tập tích cực nhiều. Đánh giá về thái độ học tập đã có nhiều nghiên cứu tại Việt Nam như: Dương Bá Vũ (2016); Đoàn Văn Điều (2012); Phan Hữu Tín, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan (2011); Quỳnh Anh (2008); Vũ Mộng Đóa (2005);..., nhưng các nghiên cứu trên chỉ tập trung tìm hiểu thái độ học tập của SV ở một lĩnh vực cụ thể và các yếu tố ảnh hưởng, chứ chưa phản ánh được thái độ học tập của SV trong cả quá trình học tập. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu thái độ học tập của SV qua các năm, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi thái độ và đề xuất giải pháp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu đạt được các mục tiêu sau:

- Đánh giá thái độ học tập của SV các năm tại trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM.
- Tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi thái độ học tập của SV qua các năm học và đề xuất giải pháp.

2.2. Khung lý thuyết đánh giá về thái độ học tập

Thái độ là sự đáp ứng yêu thích hoặc không yêu thích đến một đối tượng, một người hoặc sự kiện. Thái độ được hiểu dưới nhiều quan điểm khác nhau, nhưng điểm chung về định nghĩa của thái độ là sự sẵn sàng đáp ứng (Allport, 1935). Đáp ứng theo cách có lợi hay không có lợi, thuận hay không thuận đến đối tượng cụ thể (Eagly & Chaiken, 1993; Fishbein & Ajzen, 1975), hoặc đơn giản là thích hay không thích khi nhấn mạnh về trạng thái cảm xúc theo quan điểm của Bem (1970) [9, tr 8].

Fishbein và Ajzen (1975); Reid (2006) cho rằng thái độ có ba thành tố có quan hệ với nhau là: niềm tin, xúc cảm và ý định hành vi. Theo Fishbein and Ajzen (1975), hành vi của một người được xác định bởi ý định hành vi để thực hiện nó và ý định này được xác định bởi thái độ của người đó. Thái độ có thể được xem là những đánh giá về mặt cảm xúc của một người đối với một đối tượng cụ thể, những đánh giá này có được bởi nhận thức, niềm tin của người đó về đối tượng. Sự kết hợp giữa nhận thức, niềm tin và cảm xúc giúp hình thành khuynh hướng thực hiện hành vi [10-11].

Thái độ không phải là hành vi mà nó được xem như một sự chuẩn bị cho hành vi (Oskamp, 2005), một khuynh hướng đáp ứng theo một cách cụ thể đối với một đối tượng

cụ thể (Fishbein & Ajzen, 1975). Vì vậy, thái độ được xem là cấu trúc được suy luận, thái độ không thể quan sát trực tiếp, thông qua quan sát các hoạt động, sự tương đồng giữa các hoạt động để đánh giá về thái độ của một người. Trong nghiên cứu này, đối tượng của thái độ là sự học tập, do đó, đánh giá về thái độ học tập là xem xét sự tương đồng giữa nhận thức, niềm tin; tình cảm/cảm xúc và hành vi học tập.

2.3. Thiết kế công cụ nghiên cứu

Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát là sinh viên (SV) của trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM với khoảng 18.000 SV. Những sinh viên này được nhà trường trang bị điều kiện học tập tốt như: Thư viện nhiều đầu sách, nhiều khu tự học, không gian học tập thoáng mát, yên tĩnh, phòng học trang bị máy lạnh, màn hình chiếu, phòng máy tính kết nối mạng, truy cập wifi dễ dàng.... Mẫu khảo sát của nghiên cứu này là 3690 sinh viên các khóa: 2018; 2017; 2016; 2015 được chọn ngẫu nhiên, gồm: 1099 SV năm nhất (chiếm 30%), 1097 SV năm hai (chiếm 30%), 865 SV năm ba (chiếm 23%), và 629 SV năm tư (chiếm khoảng 17%).

Công cụ khảo sát

Dựa vào mô hình đánh giá thái độ, nghiên cứu xây dựng các thang đo cũng như dấu hiệu của mỗi thang đo. Ở mỗi dấu hiệu thiết kế một câu hỏi để đánh giá, sử dụng dung thang đo Likert 5 mức độ: Mức 1= Không bao giờ; Mức 2= Hiếm khi; Mức 3=Thỉnh thoảng; Mức 4= Thường xuyên; Mức 5= Rất thường xuyên/luôn luôn. Thông qua phân tích nhân tố, gồm 3 nhân tố với 20 câu phát biểu, đó là: 1). Nhận thức và niềm tin của SV trong học tập (7 câu); 2). Niềm vui thích của SV trong học tập (6 câu); 3). Sự thực hiện và nỗ lực của SV trong học tập (7 câu).

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập thông tin bằng bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp 40 SV (có biên bản và ghi âm), số liệu được lọc sạch bằng cách loại bỏ những phiếu trả lời không phù hợp và được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 23. Bảng câu hỏi đã được xem xét, đánh giá so với mục tiêu nghiên cứu và phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha = 0.92. Qua phân tích nhân tố, tính giá trị và độ tin cậy cho thấy rằng công cụ đo lường này đảm bảo được tính giá trị và độ tin cậy. Vì vậy, nghiên cứu đã tiến hành xử lý số liệu.

Thu thập và phân tích dữ liệu

Sau khi thu thập dữ liệu, nghiên cứu tiến hành phân tích các thông số Mean, Phương sai để đánh giá về thái độ học tập của SV; Phân tích sâu ANOVA để xem xét sự khác biệt về thái độ học tập của SV qua các năm học. Mức ý nghĩa là 0.05.

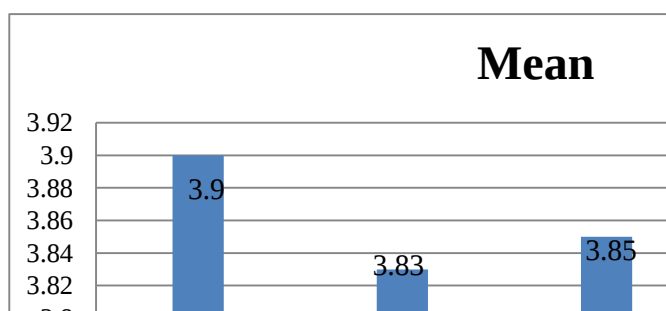
2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Đánh giá về sự thay đổi ở mỗi thành tố của thái độ học tập

- *Đánh giá sự thay đổi về nhận thức và niềm tin trong học tập của SV qua các năm*

Kết quả sự thay đổi về nhận thức và niềm tin trong học tập được mô tả như Hình 1.

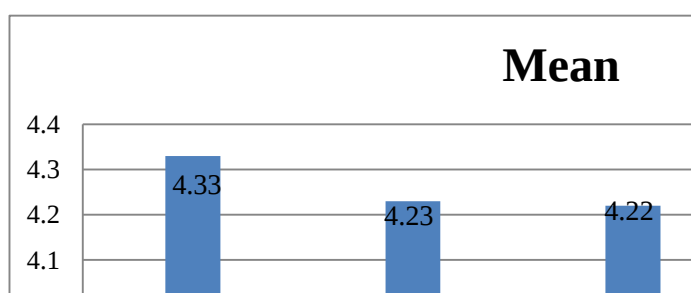
Nghiên cứu phân tích sâu ANOVA để tìm sự khác biệt giữa các nhóm, kết quả cho thấy có sự khác biệt giữa SV năm nhất và SV năm hai, SV năm tư (mức khác nhau có ý nghĩa của các cặp này lần lượt là: 0.038 và 0.005, mức ý nghĩa là 5%); giữa SV năm hai và năm ba không có sự khác biệt. Kết quả cho thấy rằng nhận thức về ý nghĩa của việc học và niềm tin vào khả năng học tập bị sụt giảm nhiều ở SV năm tư so với năm nhất.



Hình 1. Biểu đồ điểm TB về nhận thức và niềm tin của SV trong học tập

- *Đánh giá về sự thay đổi về niềm yêu thích học tập của SV qua các năm*

Kết quả về sự thay đổi về niềm yêu thích trong học tập được mô tả như Hình 2.

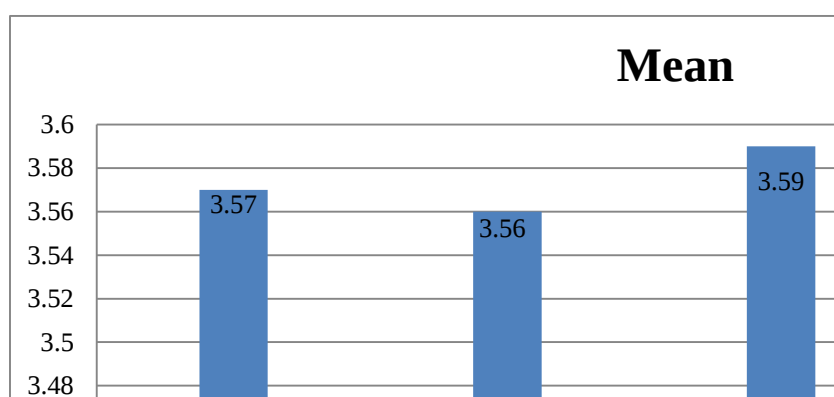


Hình 2. Biểu đồ điểm TB về niềm yêu thích của SV trong học tập

Nghiên cứu phân tích sâu ANOVA để tìm sự khác biệt giữa các nhóm, kết quả cho thấy có sự khác biệt về niềm yêu thích trong học tập giữa nhóm SV năm nhất và năm hai, năm ba, năm tư (Sig. của ba nhóm đều là 0.000, mức ý nghĩa 5%); không có sự khác biệt giữa nhóm SV năm hai và năm ba. Kết quả chỉ ra rằng SV rất yêu thích với việc học tập, điểm trung bình thống kê đạt mức cao, điều này rất phù hợp với tinh thần hiếu học của người Việt Nam. Tuy nhiên, xét qua các năm học sự yêu thích này ngày càng sụt giảm, đặc biệt có sự khác biệt nhiều giữa SV năm tư và SV các năm còn lại.

- *Đánh giá về sự thay đổi về sự thực hiện và nỗ lực học tập của SV qua các năm*

Kết quả về sự thay đổi về sự thực hiện và nỗ lực trong học tập được mô tả như Hình 3:

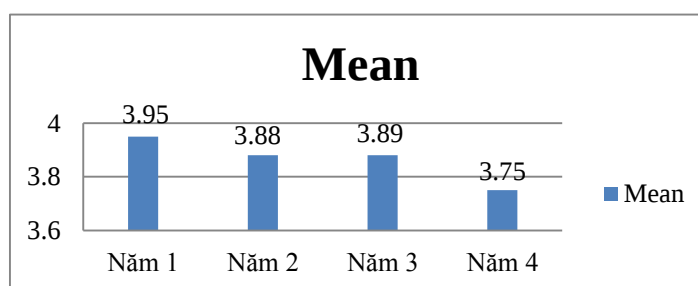


Hình 3. Biểu đồ điểm TB về sự thực hiện và nỗ lực của SV trong học tập

Nghiên cứu phân tích sâu ANOVA để tìm sự khác biệt giữa các nhóm, kết quả cho thấy có sự khác biệt về sự thực hiện và nỗ lực trong học tập giữa nhóm SV năm tư và năm nhất, năm hai, năm ba (Sig. của ba nhóm là: 0.018, 0.027, 0.02, mức ý nghĩa 5%); không có sự khác biệt giữa các nhóm còn lại. Kết quả cũng cho thấy rằng SV chưa thực sự tích cực, chủ động ở mức cao để thực hiện các hoạt động học tập. Điều này có lẽ phù hợp với nhận xét chung của nhiều nhà giáo dục hiện nay là sinh viên chưa thật sự chủ động trong học tập. Tuy nhiên sự chủ động và nỗ lực học tập lại giảm nhiều ở sinh viên năm tư.

2.4.2. Đánh giá chung về sự thay đổi thái độ học tập của sinh viên qua các năm

Kết quả về thái độ học tập của SV qua các năm học được mô tả như Hình 4.



Hình 4: Biểu đồ điểm TB về thái độ của SV trong học tập

Từ biểu đồ trên cho thấy thái độ học tập của SV qua các năm có sự khác biệt, thái độ học tập có xu hướng giảm nhiều ở năm thứ tư. Để có thể kết luận chắc chắn về sự khác biệt này, nghiên cứu sử dụng phân tích sâu ANOVA. Kết quả cho thấy có sự khác biệt giữa SV năm nhất và SV năm hai, SV năm ba, SV năm tư; giữa SV năm tư và SV năm hai, SV năm ba; (sig. của từng nhóm lần lượt là: 0.006; 0.018; 0.000; 0.000; 0.000; mức ý nghĩa 5%), không có sự khác biệt giữa SV năm hai và SV năm ba. Có thể nhận thấy rằng SV năm nhất có thái độ học tập rất tích cực. Điều này có thể hiểu được khi đạt được kết quả vào đại học là niềm tự hào của SV, các SV học tập với một tâm thế tốt nhất, một cảm xúc vui thích sau bao ngày dài mài thi cử. Sang năm hai và năm ba nhận thấy thái độ học tập của SV có xu hướng giảm, nhưng, sang năm tư khi tiếp cận sâu vào chuyên ngành thái độ học tập tích cực của SV giảm nhiều so với năm nhất, năm hai và năm ba. Sự sụt giảm thái độ học tập của SV năm tư ở cả ba thành tố là: Nhận thức và niềm tin trong việc học; Niềm yêu thích học tập; Sự thực hiện và nỗ lực trong học tập. Tại sao có sự thay đổi này sẽ được bàn luận ở phần tiếp theo.

2.4.3. Tìm hiểu nguyên nhân về sự thay đổi thái độ học tập của SV các năm

Lí luận dạy học đã chỉ ra rằng quá trình dạy học bao gồm ba thành tố cấu trúc cơ bản là: người học, người dạy và nội dung học tập; và quá trình này được diễn ra trong một môi trường học tập cụ thể. Vì vậy, để đánh giá về sự ảnh hưởng thay đổi đến thái độ học tập, nghiên cứu đã dựa vào ba thành tố này để tìm hiểu các nguyên nhân, đó là:

- 1) Nhận thức về học tập và niềm tin vào khả năng bản thân của SV; Sự yêu thích và lựa chọn ngành phù hợp của SV;
- 2) Phương pháp giảng dạy của giảng viên (GV);
- 3) Hệ thống cơ sở vật chất;

- 4) Chương trình học;
- 5) Phương tiện học tập.

Thông qua khảo sát về thái độ học tập của 3690 SV, nghiên cứu cũng đã tiến hành phỏng vấn sâu 40 SV tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM (10SV mỗi khóa). Kết quả thu được như sau:

- *Về cơ sở vật chất, không gian học tập, phương tiện hỗ trợ học tập:*

Kết quả hơn 82% SV được khảo sát chọn trả lời mức 4,5 và 100% SV được phỏng vấn sâu đều cho rằng nhà trường đã trang bị đầy đủ phương tiện hỗ trợ học tập từ phần học lý thuyết đến thực hành. Ứng dụng dạy học số cũng như kết nối wifi dễ dàng giúp SV học tập tốt hơn. Giảng viên cũng cung cấp tài liệu học tập đầy đủ, SV không cảm thấy khó khăn khi tìm kiếm tài liệu. Không gian học tập tốt, có nhiều khu tự học, thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập của SV.

- *Về chương trình học:*

Khi khảo sát về chương trình học, phân tích hệ số Mean cho thấy SV năm tư có điểm trung bình thống kê thấp hơn các năm khác. Điểm trung bình của SV từ năm nhất đến năm tư lần lượt là: 3.98; 3.83, 3.86, 3.77; phân tích sâu ANOVA cho thấy có sự khác biệt giữa SV năm tư và các năm còn lại. Điều này phù hợp với kết quả phỏng vấn khi SV năm tư cho rằng chương trình học nặng hơn những năm trước. Trong khi đó, phỏng vấn SV năm nhất và SV năm hai, 90% cho rằng chương trình học không nặng, SV vẫn học và theo kịp với chương trình, 10% SV còn lại cho rằng học kì 2,3 có nhiều môn lý thuyết nên cảm thấy nặng, vì SV không thích học lý thuyết. Điều này cũng dễ hiểu, do đặc điểm của SV ngành kỹ thuật thường thích làm, thích vận dụng hơn là học những môn lý thuyết. Ngoài ra, một điều đáng lưu ý là khi phỏng vấn các SV năm cuối, nghiên cứu nhận thấy khoảng 50% SV có nhận xét là chương trình học quá nặng do có nhiều bài tập, nhiều dự án. Các bạn SV có những chia sẻ như sau:

- Lê Thị Kiều Phụng, SV năm tư ngành công nghệ thông tin (CNTT) chia sẻ: *“...Em cảm thấy chương trình học vào HK4 đến HK6 có nhiều môn học khó, dồn nhiều dự án, đôi lúc em cảm thấy đuối. Bài tập GV giao cho khó, một số phần giải quyết được, một số phần chịu thua, em đạt được điểm 6 là mừng lắm rồi.”*

- SV Phạm Thanh Bằng, khoa CNTT có chia sẻ khi được hỏi có thường nghỉ học trên lớp không?

“...điều này còn tùy vào tối đó em có ngủ không, vì em thường thức nguyên đêm để làm dự án, có nhiều dự án mà thời gian giáo viên cho ngắn, em rất khó hỏi GV vì GV cũng nhiều việc, thường các môn làm dự án không có trợ giảng,....”

Sinh viên Nguyễn Văn Phú, khoa Xây dựng dân dụng cũng chia sẻ: *“Em thường nghỉ học trên lớp nhưng em nghĩ lí do chính là do làm đồ án nhiều, em ngủ ít nên thấy mệt mỏi, chán,...”*

Chương trình đào tạo tại trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM được xây dựng và triển khai theo phương pháp tiếp cận CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate). Ở chương trình này người kỹ sư phải có thể hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống để đem lại những giá trị mong muốn và để phát triển sản phẩm hoặc đào thải sản phẩm. Điều này cho thấy, ngoài tri thức lý thuyết SV còn được trang bị tri thức thực hành, vì vậy, SV phải tham gia thực hành công việc nhiều. Ngoài ra, chương

trình đào tạo hiện nay cũng đang được định hướng dạy học thông qua dự án, cho nên sự thực hành trong học tập của SV lại càng nhiều hơn. Chương trình học được thiết kế ở năm đầu SV học các môn đại cương, năm hai học các môn cơ sở ngành, năm ba học các môn chuyên ngành và năm tư là dành cho thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận. Vì vậy, xét về đặc điểm của chương trình học giai đoạn đầu chưa đi sâu vào chuyên ngành nên SV dễ tiếp cận hơn nhưng càng về sau chương trình học càng nặng là phù hợp. Tuy nhiên, do sự quá tải trong việc học và sự sắp xếp công việc chưa tốt nên các bạn SV năm tư luôn cảm thấy đuối sức.

- Về phương pháp giảng dạy (PPGD) của giảng viên:

Kết quả khảo sát cho thấy điểm trung bình SV năm tư đánh giá về PPGD của GV thấp hơn các năm khác. Phân tích điểm số Mean của SV năm nhất, năm hai, năm ba và năm tư lần lượt là: 4.11; 3.98; 3.94; 3.72, phân tích sâu ANOVA cho thấy có sự khác biệt giữa SV năm tư và các năm còn lại, không có sự khác biệt giữa SV năm hai và năm ba.

Thông qua phỏng vấn, SV đều cho rằng khoảng 80% GV giảng dạy nhiệt tình, tạo hứng thú, có nhiều hoạt động; 20% GV giảng dạy không hứng thú do nói lý thuyết quá nhiều, thiếu minh họa và cũng do chất giọng của GV. Sinh viên thường được tổ chức làm việc nhóm và báo cáo kết quả trước lớp. Tuy nhiên có nhiều GV không phản hồi nhiều về kết quả học tập cho SV ngoài điểm số, nên SV thật sự không còn hứng thú nhiều trong việc học. Sinh viên năm tư chia sẻ như sau:

- SV Phạm Khang Tới, ngành CN kỹ thuật Nhiệt chia sẻ: *“...nhiều lúc em không biết em sai chỗ nào mà có kết quả như vậy, thật sự trong nhóm cũng chỉ có vài bạn làm, một số bạn còn lại thực sự kỹ năng chưa tốt. GV không kịp thời gian giúp các bạn khác cải thiện...”*

- SV Kiều Phụng, khoa CNTT cho rằng: *“...Bài tập khó, em không làm hết mà GV không sửa bài, đã học khó hiểu mà còn không sửa bài em cảm thấy chán học môn đó, ở nhà còn có ích hơn...”*

- Về nhận thức về học tập và niềm tin vào bản thân, sự yêu thích ngành học của SV:

Các SV đều nhận thức rất rõ về ý nghĩa của việc học cũng như đặt ra mục tiêu học tập rõ ràng. Sinh viên đều thể hiện sự quyết tâm cao, đặc biệt là SV năm nhất.

Khảo sát về sự yêu thích ngành đang học, kết quả chỉ ra hệ số Mean của SV năm tư thấp hơn các năm còn lại, kết quả lần lượt là: 4.08; 3.99; 3.95; 3.88; Phân tích sâu ANOVA cho thấy có sự khác biệt nhiều giữa SV năm tư và năm nhất, những năm khác có sự khác biệt không đáng kể. Theo kết quả khảo sát, chỉ 3,8% SV cho rằng không yêu thích ngành mình đang học, điều này cho thấy rằng đa phần SV lựa chọn đúng ngành mình yêu thích. Nhưng qua các năm sự yêu thích này bị sụt giảm. Đây là nguyên nhân cho sự sụt giảm này?

Sinh viên rất tự tin vào khả năng trí tuệ của họ. Tuy nhiên trong quá trình học tập, khi vào những năm cuối, chương trình học càng nặng nên SV cảm thấy đuối sức, như bạn Kiều Phụng, SV năm tư, có chia sẻ chỉ cần được 6 điểm; bạn Phương Bắc Sơn, SV năm tư, khoa Xây Dựng cũng có chia sẻ *“...Có đôi lúc em bất chấp, phần nào làm được thì làm, không làm được thì chịu, nhưng sợ ba mẹ em buồn nên em cố theo....”*. Điều này cho thấy một số SV thiếu đi sự nỗ lực khi cảm thấy việc học tập đôi lúc vượt ra ngoài khả năng của mình. Kết quả này rất phù hợp với thuyết giá trị - kì vọng. Theo thuyết giá trị - kì vọng,

mọi hoạt động đều có một giá trị: giá trị càng cao thì động cơ càng lớn, nhưng đồng thời khi đó SV phải có kì vọng đạt được giá trị này. Nếu vượt ngoài khả năng thì giá trị này cũng trở nên vô nghĩa và mất động cơ làm việc. Khi làm một việc mà SV luôn cảm thấy mệt mỏi, thiếu động cơ thì cũng làm giảm đi sự yêu thích. Vì vậy, GV nên đặt ra yêu cầu không quá cao cho SV, hướng dẫn SV từng bước công việc, khi SV đạt được kết quả là giúp SV củng cố thêm sự tự tin và yêu thích hơn trong học tập.

Khi được hỏi về phương pháp học, SV năm nhất và năm hai cho biết vẫn có nhiều thời gian cho các việc khác và hoàn thành tốt công việc GV giao. Nhưng, SV năm ba và năm tư cảm thấy thiếu thời gian, vì công việc thường để gần đến hạn mới làm mà công việc lại nhiều, nên SV luôn chạy đua với thời gian. Vì vậy, điều này làm cho SV thấy mệt mỏi, cũng có SV để dồn việc vào lúc cuối nên học đôi phó.

- SV Đỗ Hữu Phụng học ngành Điện – Điện tử, năm 3 chia sẻ: “....*Thời gian làm bài tập nhiều, em cũng phải dành thời gian cho bạn bè nữa nên chưa đầu tư nhiều vào việc học để hiểu sâu, thường đến cuối học kì nhìn lại và không hiểu tại sao phải làm như vậy, nhưng gần đến thi không còn nhiều thời gian để tìm hiểu thêm nên em cứ mặc định là như vậy, cố gắng qua môn rồi tính tiếp,....*”

- SV Đinh Quang Trung, năm 2, ngành CN kĩ thuật nhiệt chia sẻ: “...*bình thường em thấy mình dư giả thời gian, nhưng đến lúc thi mới học nên em thấy thiếu thời gian. Vì vậy đến lúc thi em chỉ học những gì GV dạy, không tìm hiểu thêm nhiều cái khác vì không có nhiều thời gian.*”

Điều này cũng cho thấy rằng SV chưa thật sự biết cách sắp xếp thời gian cho công việc học tập. Sang năm ba và năm tư công việc học tập nhiều hơn nên càng thấy rõ về sự thiếu kĩ năng lập kế hoạch học tập ở SV.

2.4.4. Nhận xét chung và một vài gợi ý để khuyến khích sinh viên có thái độ học tập tích cực

Thông qua kết quả khảo sát và kết quả phỏng vấn, người nghiên cứu đánh giá chung thái độ học tập của SV tại trường khá tích cực, các bạn SV vẫn yêu thích việc học khi nhận thấy cần phải học để năng lực có thể đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, thái độ của SV bị giảm sút vào những năm học cuối mà đúng ra là phải có thái độ thực sự tích cực, thích thú hơn khi tiếp cận sâu vào chuyên ngành. Thái độ của SV năm tư đều giảm ở tất cả ba thành tố cấu thành của thái độ, đó là: niềm tin vào bản thân; sự yêu thích, hứng thú học tập và sự nỗ lực trong học tập.

Từ những nguyên nhân đã tìm ra ở trên, nghiên cứu có vài đề xuất khuyến nghị như sau:

- *Xác định số lượng dự án trong chương trình học và hệ thống trợ giảng các môn học chuyên ngành:* Hiện nay, trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM định hướng đến dạy học dựa trên dự án để phát triển năng lực cũng như tính sáng tạo cho SV. Điều này rất phù hợp cho sự phát triển của nhà trường. Tuy nhiên, có lẽ trong cách thực hiện có thể dẫn đến sự quá tải trong công việc nếu như nhiều môn học đều dạy học thông qua dự án. Vì vậy, việc xây dựng chương trình cần được xem xét và thống nhất về độ khó cũng như số lượng dự án trong một chương trình học. Ngoài ra, nhà trường cũng cần đào tạo đội ngũ trợ giảng đủ năng lực để có thể hỗ trợ GV trong việc hướng dẫn SV làm dự án cũng như các môn học trong chuyên ngành.

- *Hệ thống bài tập vừa sức với SV, có phản hồi và hướng dẫn cải thiện kết quả học tập cho SV.* Giảng viên nên cho SV biết ý nghĩa của nội dung học tập và xây dựng hệ thống bài tập phù hợp với năng lực để SV có động lực cũng như niềm tin vào bản thân để hoàn thành công việc.

- *Sử dụng Portfolio điện tử trong dạy học:* Portfolio được xem như hồ sơ học tập của SV. Hồ sơ này sẽ lưu thông tin về SV, về kết quả đạt được cũng như tiến trình học tập, những gợi ý của GV giúp SV cải thiện kết quả. Giảng viên có thể làm việc này ngoài lớp, đưa thông tin lên tài khoản online của SV, trang LMS (learning Management System) của trường. Vì vậy, với cách làm này không bị trở ngại về mặt thời gian cũng như GV cho rằng không có cơ hội gặp lại SV khi kết thúc môn học.

- *Hướng dẫn SV tự học, lập kế hoạch học tập, quản lí thời gian hiệu quả và ghi nhật ký học tập:* Môn học phương pháp học tập và môn kĩ năng xây dựng kế hoạch nên là môn học bắt buộc cho toàn SV của trường. Ngoài ra, ở mỗi công việc của mỗi môn học hoặc dự án, GV nên hướng dẫn SV lập kế hoạch thực hiện và ghi nhật ký học tập để theo dõi tiến độ và kết quả đạt được của công việc. Đây cũng là cách giúp SV có động lực làm việc khi thấy được sự tiến bộ qua mỗi bước công việc và có cảm giác sắp hoàn thành.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã đánh giá được sự thay đổi thái độ học tập của SV qua các năm học. Nghiên cứu cho thấy SV năm tư có thái độ học tập tích cực giảm sút hơn so với SV năm nhất, SV năm hai và SV năm ba. Kết quả cũng cho thấy rằng phương pháp giảng dạy của GV, sự quá tải trong làm dự án là yếu tố ảnh hưởng chính đến thái độ học tập của SV. Kĩ năng lập kế hoạch và quản lí thời gian cũng là yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng SV thiếu kĩ năng lập kế hoạch thường có xu hướng học đối phó. Vì vậy, GV cũng nên hướng dẫn SV về cách học để SV đào sâu hơn về kiến thức, hay cách khác là để giúp SV học theo bề sâu.

Nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi thái độ học tập của SV qua các năm dựa trên các thành tố cấu trúc cơ bản của quá trình dạy học: Người học, người dạy, nội dung dạy học và môi trường học tập. Tuy nhiên, nghiên cứu này chưa tìm hiểu sâu các yếu tố khách quan khác tác động đến thái độ học tập của SV như: điều kiện ăn ở, hoàn cảnh gia đình, cũng như vấn đề đi làm thêm mà có thể ảnh hưởng đến sự tập trung dành cho việc học tập cũng như thái độ học tập. Vì vậy, đây cũng là hướng phát triển tiếp theo của nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Oskamp, 2005. Stuart, P. Wesley Schultz, *Attitudde and Opinion*, third edition. Routledge.
- [2] Biggs, J.B, 1987. *Study process Questionare Manual*, Australian Council For Education Research. Melbourne.
- [3] Krathwohl, D.R., Bloom, B.S., Masia, B.B, 1973. *Taxonomy of Educational Objectives, the Classification of Educational Goals*. Handbook II: Affective Domain. New York: David McKay Co., Inc.

- [4] Dương Bá Vũ, 2016. *Phát triển công cụ đo lường thái độ của học sinh đối với môn hóa học ở trường phổ thông*. Tạp chí khoa học – Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, Số 1(79)-2016, tr.54-66.
- [5] Đoàn Văn Điều, 2012, *Thái độ của sinh viên năm cuối Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đối với nghề dạy học*. Tạp Chí khoa học – Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. Số 34(68) Tháng 3/2012, tr. 22-30.
- [6] Phan Hữu Tín, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, 2011. *Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên trường Đại học Đà Lạt*. Tạp chí phát triển Khoa học & Công nghệ, Số 02-2011, tr. 89-96.
- [7] Quỳnh Anh, 2008. *Thái độ học tập của sinh viên*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Vũ Mộng Đóa, 2005. *Thái độ của sinh viên khoa tâm lí học trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn đối với phương pháp học tập*. Tạp chí Tâm lí học, số 11 (80), 11-2005, tr. 43-47.
- [9] Oskamp, Stuart, P. Wesley Schultz, 2005. *Attitude and Opinion*, third edition. Routledge.
- [10] Fishbein and Ajzen, 1975. *Belief, attitude, intention and behaviour: An introduction to theory and research*. Publisher: Reading, MA: Addison-Wesley, ISBN - 0201020890.
- [11] Reid, N, 2006. *Thoughts on attitude measurement*. Research in Science & Technological, 24 (1), 3-27.

ABSTRACT

Evaluating the changing attitude of student's learning at University of Technology and Education Ho Chi Minh City (HCMC-UTE)

¹Do Thi My Trang, ²Do Manh Cuong và ²Doan Thi Hue Dung

¹University of Technology and Education Ho Chi Minh City

²Hong Bang International University

The learning attitude plays an important role because an active learning attitude will lead to active learning behaviors. By observing learning behaviors of students at HCMC-UTE, we recognize many inappropriate behaviors of junior and senior students such as tiredness, disappointment, class absence, etc. These phenomena show that the students have got inactive learning attitude. Therefore, the purposes of this study is to assess the change of students' learning attitude in each academic years and recommendations. By using the questionnaire which was applied Cronbach's alpha, analysis factors and deep interview with the students at HCMC-UTE, the result show that students' learning attitude change over each academic years, especially learning attitude of senior students decline more than others. The result also reveals that there is overload in project based on learning, teaching method and the lack of learning planning skills that change the learning attitude.

Key words: Learning attitude, active learning attitude, University of Technology and Education Ho Chi Minh City.